

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/4/2023.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: Civil Engineering Construction Corporation N01-JSC.

Tên viết tắt: CIENCO1.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/4/2023 của Tổng Công ty là 700.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn*).

Tổng Công ty có trụ sở chính tại: Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đàm Phan Liêm	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Đinh Ngọc Vượng	Chủ tịch HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023, miễn nhiệm ngày 31/05/2023)
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023, miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Nguyễn Minh An	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023, miễn nhiệm ngày 31/05/2023)
Ông Mai Việt Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Lê Tấn Huy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà Nguyễn Thế Xuân ý	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Trần Xuân Nghiêm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 31/05/2023)
Ông Đỗ Văn Thôi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 31/05/2023)
Ông Đinh Ngọc Đan	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Cán Hồng Lai	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Cao Văn Mạnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Trần Văn Trãi	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Ngọc Quang	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Võ Thành Công	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Đặng Mạnh Thuyên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023)
Ông Lê Xuân Hậu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/02/2023)
Bà Hoàng Thị Thúy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/02/2023)
Bà Vũ Thanh Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2023)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Ngọc Đán	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 12/01/2022)
Ông Đào Việt Tiến	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12/01/2022)
Ông Khuất Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Hữu Sơn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/02/2022)
Ông Lê Lệnh Bắc	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/7/2022)
Ông Nhữ Đình Văn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/8/2022)
Ông Hoàng Việt Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14/3/2022)
Ông Đinh Ngọc Đán	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12/01/2022)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.3 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào, phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Ngọc Đan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 223/2024/BCKTHN-CPA VIETNAM -NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của các Công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được số liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính các Công ty liên kết của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho với số tiền 453,43 tỷ VND do được bổ nhiệm sau ngày này. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính hiện hữu của số dư khoản mục trên, cũng như xác định ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư các khoản nợ phải thu (Mã 131; Mã 132; Mã 136) của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 là 312,5 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 648,86 tỷ VND); nợ phải trả (Mã 311; Mã 312; Mã 319; Mã 320) tại ngày 31/12/2022 là 402,27 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 701,86 tỷ VND). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với tình hiện hữu của các khoản công nợ phải thu, phải trả này, cũng như các khoản dự phòng cần trích lập nếu có. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất, trong năm 2022 và 2021, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty lần lượt âm (-) 32,15 tỷ VND và âm (-) 108,79 tỷ VND, giá trị các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2022 và tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 86,62 tỷ VND và 99,19 tỷ VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.17 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày 31/12/2022 và đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa chi trả hết số cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm, số cổ tức này phải trả cho cổ đông trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên với số tiền 29,21 tỷ VND là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4, điều 135 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Tổng Công ty chưa thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UpCOM theo quy định tại Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 và Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 15/03/2019 về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

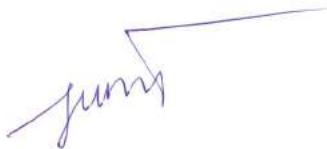
TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.463.437.977.760	2.520.854.414.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	91.513.008.975	133.099.022.936
1. Tiền	111		91.513.008.975	133.099.022.936
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.200.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	2.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.850.251.977.620	1.883.933.028.925
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	917.289.421.035	961.769.228.026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	312.587.762.980	335.856.810.303
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	258.000.000.000	258.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	418.697.028.582	366.802.093.073
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(56.322.234.977)	(38.495.102.477)
IV. Hàng tồn kho	140		507.110.045.447	490.258.009.746
1. Hàng tồn kho	141	5.8	507.110.045.447	490.258.009.746
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.562.945.718	11.364.353.330
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.107.576.509	2.482.386.815
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.923.524.759	7.880.378.201
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	1.531.844.450	1.001.588.314
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		553.896.766.302	541.341.581.351
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.238.649.760	31.304.241.275
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	31.238.649.760	31.304.241.275
II. Tài sản cố định	220		51.402.094.212	56.170.455.824
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	43.756.703.891	48.326.864.934
- Nguyên giá	222		334.020.259.998	333.280.905.398
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(290.263.556.107)	(284.954.040.464)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.645.390.321	7.843.590.890
- Nguyên giá	228		9.980.028.462	9.980.028.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.334.638.141)	(2.136.437.572)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		243.316.874	243.316.874
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.316.874	243.316.874
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	460.140.099.542	440.973.258.516
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		122.590.139.427	103.423.298.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		341.575.865.946	341.575.865.946
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.025.905.831)	(4.025.905.831)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.872.605.914	12.650.308.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	8.758.117.509	10.535.820.457
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.114.488.405	2.114.488.405
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.017.334.744.062	3.062.195.996.288



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.190.091.320.064	2.257.630.605.117
I. Nợ ngắn hạn	310		2.184.808.914.216	2.252.618.658.961
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.294.297.493.726	1.312.723.384.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	211.273.874.363	290.595.749.309
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	185.096.562.039	176.642.288.208
4. Phải trả người lao động	314		24.640.767.159	20.710.613.641
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	64.772.165.138	64.141.340.254
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	157.669.247.138	129.715.442.940
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	246.262.025.094	257.368.060.614
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		796.779.559	721.779.559
II. Nợ dài hạn	330		5.282.405.848	5.011.946.156
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	3.975.450.086	3.974.578.373
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		567.386.411	297.798.432
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		739.569.351	739.569.351
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		827.243.423.998	804.565.391.171
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	827.243.423.998	804.565.391.171
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.519.210	100.519.210
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.191.502.286	23.191.502.286
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		100.784.067.082	76.802.565.093
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76.802.565.093	60.160.119.058
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.981.501.989	16.642.446.035
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.167.335.420	4.470.804.582
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.017.334.744.062	3.062.195.996.288
(440 = 300+400)				

Người lập



Đỗ Thị Phương

Kế toán trưởng



Lê Thị Huyền My

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Đàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	420.789.607.165	708.577.195.069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		420.789.607.165	708.577.195.069
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	418.814.854.488	699.195.403.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.974.752.677	9.381.791.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	60.172.746.741	62.644.084.913
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7.751.523.453	9.193.559.660
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.750.049.961	5.086.365.284
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		19.166.841.026	12.582.665.927
9. Chi phí bán hàng	25		29.179.293	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	52.366.545.207	57.816.932.433
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		21.167.092.491	17.598.050.720
12. Thu nhập khác	31		6.193.015.956	4.846.043.826
13. Chi phí khác	32		4.412.487.641	6.413.290.399
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	1.780.528.315	(1.567.246.573)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		22.947.620.806	16.030.804.147
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	269.587.979	159.318.631
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		22.678.032.827	15.871.485.516
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		23.981.501.989	17.269.772.769
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.303.469.162)	(770.960.519)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	343	247

Người lập



Đỗ Thị Phương

Kế toán trưởng



Lỗ Thị Huyền My

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024
Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.947.620.806	16.030.804.147
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		5.507.716.212	6.574.302.546
- Các khoản dự phòng	03		17.827.132.500	22.724.883.438
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.172.746.741)	(62.807.721.277)
- Chi phí lãi vay	06		7.750.049.961	5.086.365.284
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.140.227.262)	(12.391.365.862)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		54.139.034.218	113.146.320.059
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.852.035.701)	19.853.400.785
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(57.333.662.396)	(227.418.218.364)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.152.513.254	4.934.716.444
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.119.225.077)	(6.794.191.364)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(125.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.153.602.964)	(108.794.338.302)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(739.354.600)	(716.090.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	163.636.364
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.200.000.000	21.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		212.979.123	2.615.653.559
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.673.624.523	23.063.199.923
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		125.087.281.225	145.452.514.334
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(136.193.316.745)	(182.274.032.112)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.106.035.520)	(36.821.517.778)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(41.586.013.961)	(122.552.656.157)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		133.099.022.936	255.651.679.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	91.513.008.975	133.099.022.936

Người lập



Đỗ Thị Phương

Kế toán trưởng



Lỗ Thị Huyền My

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Đàn

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/09/2010, thay đổi lần thứ 14 ngày 22/4/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104274, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/4/2023 của Tổng Công ty là 700.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION NO1 - JSC.**

Tên viết tắt là: **CIENCO1.**

Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty: Số 623 La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Tổng Công ty và Công ty con tại ngày 31/12/2022 là 187 người (tại ngày 31/12/2021 là: 260 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.
- Kiểm tra và Phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình; Thí nghiệm và kiểm định vật liệu xây dựng; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng.
- Tư vấn quản lý dự án, quản lý đầu tư xây dựng công trình: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn đấu thầu.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2022 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các hoạt động của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc như sau:

STT Tên đơn vị phụ thuộc

- 1 Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP
- 2 Công ty thi công cơ giới 1
- 3 Công ty Xây dựng 123
- 4 Xí nghiệp Xây dựng Công trình Cienco 1
- 5 Xí nghiệp Cầu 17
- 6 Xí nghiệp Cầu 18
- 7 Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có Công ty con như sau:

STT	Đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
I	Tên Công ty con			
1	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Xây dựng dân dụng	50,80%	50,80%

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có các Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng công trình 1 (*)	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	56,93%	56,93%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	Xây dựng đường bộ	48,00%	48,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	Xây dựng đường bộ	48,00%	48,00%
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	Xây dựng công trình giao thông	45,00%	45,00%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	Xây dựng dân dụng	33,57%	33,57%
6	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	32,96%	32,96%
7	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Thu giá phí cầu Cổ Chiên	49,00%	49,00%
8	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	25,40%	25,40%
9	Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	Sản xuất vật liệu xây dựng	21,05%	21,05%
10	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	Thu giá phí cầu Việt Trì	22,81%	22,81%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

(*): Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 là 56,93%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào Công ty này trên khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất các Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 trên cơ sở áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty mẹ là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP, Công ty con của Tổng Công ty là Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Trong năm 2022 và 2021, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty lần lượt âm (-) 32,15 tỷ VND và âm (-) 108,79 tỷ VND, giá trị các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2022 và tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 86,62 tỷ VND và 99,19 tỷ VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong vòng 50 năm và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được thực hiện trích khấu hao; giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy tính: Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 6-36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí khác: trích trước theo chi phí thực tế đã phát sinh

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng:

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận trong ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- (ii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định trong đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hoạt động xây dựng, dịch vụ trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa, ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là: hoạt động xây lắp, cung cấp dịch vụ và hoạt động khác. Tuy nhiên, doanh thu, giá vốn của hoạt động dịch vụ và hoạt động khác chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu và giá vốn của Tổng Công ty và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	2.764.661.622	1.896.526.122
Tiền gửi ngân hàng	88.748.347.353	131.202.496.814
Tổng	91.513.008.975	133.099.022.936

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000
Tổng	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000

Đơn vị tính: VND

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	917.289.421.035	961.769.228.026
Ban quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	159.855.224.073	159.855.224.073
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc Phòng	150.182.380.493	152.664.192.313
Ban quản lý dự án 2: Gói thầu PK1C/Quốc lộ 3	30.140.099.355	30.140.099.355
Phải thu các đối tượng khác	577.111.717.114	619.109.712.285
Tổng	917.289.421.035	961.769.228.026

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	312.587.762.980	335.856.810.303
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc Phòng	54.635.824.929	48.440.824.929
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh	-	47.129.387.214
Các đối tượng khác	257.951.938.051	240.286.598.160
Tổng	312.587.762.980	335.856.810.303

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	258.000.000.000	258.000.000.000
Tổng	258.000.000.000	258.000.000.000

(*) Từ ngày 22/12/2023 đến ngày 25/12/2023, Tổng công ty và các bên đã tiến hành thanh lý toàn bộ các hợp đồng cho vay.

5.6 Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	418.697.028.582	(36.526.110.107)	366.802.093.073	(18.083.823.500)
Phải thu về lãi cho vay, lãi hoạt động đầu tư	109.771.746.576	-	109.771.746.576	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.868.462.160	-	2.868.462.160	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Dầu khí Sài Gòn	39.400.547.946	-	29.700.273.973	-
Tạm ứng	66.243.401.283	-	73.271.998.491	-
Ký cược, ký quỹ	37.500.579	-	37.500.579	-
Phải thu khác	200.375.370.038	(36.526.110.107)	151.152.111.294	(18.083.823.500)
Dài hạn	31.238.649.760	-	31.304.241.275	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	956.560.157	-	956.560.157	-
Công ty Cổ phần BOT Cầu Bạch Đằng	30.282.089.603	-	30.347.681.118	-
Tổng	449.935.678.342	(36.526.110.107)	398.106.334.348	(18.083.823.500)
<i>Trong đó phải thu là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>48.221.939.901</i>	<i>-</i>	<i>48.287.531.416</i>	<i>-</i>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	56.322.234.977	-	38.495.102.477	-
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>56.322.234.977</i>		<i>38.495.102.477</i>	
<i>Trong đó:</i>	<i>Quá hạn từ 6 năm đến dưới 1 năm</i>	<i>Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	<i>Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	<i>Quá hạn trên 3 năm</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn				12.509.691.690
Các đối tượng khác				43.812.543.287
Tổng				56.322.234.977

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Nguyên liệu, vật liệu	4.164.150.003	-	4.164.150.003	-
Công cụ, dụng cụ	201.217.287	-	190.618.378	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	502.526.196.833	-	485.684.760.041	-
Thành phẩm	218.481.324	-	218.481.324	-
Tổng	507.110.045.447	-	490.258.009.746	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.107.576.509	2.482.386.815
Chi phí công cụ dụng cụ	3.107.576.509	2.482.386.815
Dài hạn	8.758.117.509	10.535.820.457
Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư công trình	8.063.698.937	3.907.120.997
Chi phí khác	694.418.572	6.628.699.460
Tổng	11.865.694.018	13.018.207.272

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	111.856.207.471	177.628.200.711	39.808.330.893	3.321.990.587	666.175.736	333.280.905.398
Tăng trong năm	739.354.600	-	-	-	-	739.354.600
Mua trong năm	739.354.600	-	-	-	-	739.354.600
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	112.595.562.071	177.628.200.711	39.808.330.893	3.321.990.587	666.175.736	334.020.259.998
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2022	76.750.847.663	164.590.635.203	39.672.330.893	3.274.050.969	666.175.736	284.954.040.464
Tăng trong năm	2.181.763.041	2.843.683.581	260.170.364	23.898.657	-	5.309.515.643
Khấu hao trong năm	2.181.763.041	2.843.683.581	260.170.364	23.898.657	-	5.309.515.643
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	78.932.610.704	167.434.318.784	39.932.501.257	3.297.949.626	666.175.736	290.263.556.107
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2022	35.105.359.808	13.037.565.508	136.000.000	47.939.618	-	48.326.864.934
Tại 31/12/2022	33.662.951.367	10.193.881.927	(124.170.364)	24.040.961	-	43.756.703.891

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 190.904.877.298 VND (tại ngày 31/12/2021 là 189.193.460.208 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 29.507.165.707 VND (tại ngày 31/12/2021 là 29.910.400.745 VND).

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	9.910.028.462	70.000.000	9.980.028.462
Tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>9.910.028.462</u>	<u>70.000.000</u>	<u>9.980.028.462</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2022	2.066.437.572	70.000.000	2.136.437.572
Tăng trong năm	198.200.569	-	198.200.569
Khấu hao trong năm	198.200.569	-	198.200.569
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>2.264.638.141</u>	<u>70.000.000</u>	<u>2.334.638.141</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2022	<u>7.843.590.890</u>	-	<u>7.843.590.890</u>
Tại 31/12/2022	<u>7.645.390.321</u>	-	<u>7.645.390.321</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 70.000.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 70.000.000 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2022		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu hợp lý (*)	
Đầu tư vào Công ty liên kết							
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư XDCT 1 (i)	56,93%	56,93%	2.860.727.287	-	2.860.727.287	3.029.850.638	
Công ty Cổ phần XD Giao thông & TM 124	48,00%	48,00%	7.200.000.000	-	7.200.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	48,00%	48,00%	6.214.309.449	5.937.759.801	6.214.309.449	5.937.759.801	
Công ty Cổ phần XDCT 15 - Cienco1	45,00%	45,00%	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco1 (CIC)	33,57%	33,57%	2.350.000.000	-	2.350.000.000	-	
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	49,00%	49,00%	92.663.000.000	116.652.379.626	92.663.000.000	93.710.767.984	
Công ty Cổ phần SXVL và XDCT 119 - Cienco1	25,40%	25,40%	586.812.929	-	586.812.929	-	
Công ty Cổ phần PT Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco1	21,05%	21,05%	1.263.234.000	-	1.263.234.000	744.919.978	
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	22,81%	22,81%	48.532.400.000	-	48.532.400.000	-	
Công ty Cổ phần SXVL & XD công trình 1	32,96%	32,96%	2.571.000.000	-	2.571.000.000	-	
Tổng			168.741.483.665	122.590.139.427	168.741.483.665	103.423.298.401	

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

	Tỷ lệ		31/12/2022		01/01/2022	
	Vốn giữ năm	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng hợp lý (*)
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	18,58%	18,58%	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cầu 12	19,60%	19,60%	11.175.375.096	-	11.175.375.096	-
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	18,00%	18,00%	148.172.580.000	-	148.172.580.000	-
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	15,40%	15,40%	21.050.000.000	-	21.050.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Cầu Bạch Đằng	10,00%	10,00%	85.500.000.000	-	85.500.000.000	-
Công ty Cổ phần ĐT & XD Hạ tầng Anphanam	3,31%	3,31%	4.025.905.831	(4.025.905.831)	4.025.905.831	(4.025.905.831)
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	16,23%	16,23%	1.622.005.019	-	1.622.005.019	-
Công ty Cổ phần Giao thông vận tải Việt Nam			20.000.000	-	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Thăng Long			10.000.000	-	10.000.000	-
Tổng			341.575.865.946	(4.025.905.831)	341.575.865.946	(4.025.905.831)

(*): Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại Chế độ kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

(i): Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 là 56,93%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào Công ty này trên khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết.

Các giao dịch giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.1

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.294.297.493.726	1.294.297.493.726	1.312.723.384.436	1.312.723.384.436
Công ty Cổ phần Licogi 13	22.672.544.304	22.672.544.304	22.672.544.304	22.672.544.304
Công ty Cổ phần LISEMCO	24.240.928.026	24.240.928.026	24.240.928.026	24.240.928.026
Công ty TNHH MTV 17	24.898.778.335	24.898.778.335	24.898.778.335	24.898.778.335
Công ty CPXD dịch vụ &TM 68	39.259.543.801	39.259.543.801	39.259.543.801	39.259.543.801
Công ty Cổ phần Cầu 14	43.336.289.178	43.336.289.178	19.549.904.190	19.549.904.190
Công ty Cổ phần HASSYU Việt Nam	29.768.633.227	29.768.633.227	36.768.633.227	36.768.633.227
Công ty cổ phần QH PLUS	46.415.519.269	46.415.519.269	31.423.876.335	31.423.876.335
Phải trả người bán ngắn hạn đối tượng khác	1.063.705.257.586	1.063.705.257.586	1.113.909.176.218	1.113.909.176.218
Tổng	1.294.297.493.726	1.294.297.493.726	1.312.723.384.436	1.312.723.384.436

Trong đó, nợ quá hạn:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	86.616.415.612	86.616.415.612	99.191.678.245	99.191.678.245
Công ty Cổ phần Đầu tư nông nghiệp Hà Nội	11.090.972.268	11.090.972.268	11.577.833.768	11.577.833.768
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	10.428.627.000	10.428.627.000	10.428.627.000	10.428.627.000
Công ty CP Thép và Vật tư công nghiệp	17.083.700.678	17.083.700.678	16.258.250.528	16.258.250.528
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đuafat	12.509.669.607	12.509.669.607	12.509.669.607	12.509.669.607
Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Hoàng Trường	13.377.069.296	13.377.069.296	13.377.069.296	13.377.069.296
Các khoản phải trả khác	22.126.376.763	22.126.376.763	35.040.228.046	35.040.228.046
Tổng	86.616.415.612	86.616.415.612	99.191.678.245	99.191.678.245

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	211.273.874.363	290.595.749.309
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình giao thông Đà Nẵng - QL 14B	42.612.041.348	65.215.130.000
Ban quản lý dự án 7 (Mỹ Thuận 2)	21.964.342.807	56.954.854.922
Công ty TNHH MTV Đầu tư BOT Tp Hồ Chí Minh - Trung Lương	48.300.000.000	48.300.000.000
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Giao thông Bắc Ninh - công trình cầu Phật Tích	14.169.473.259	19.968.498.241
Các khoản người mua trả tiền trước khác	84.228.016.949	100.157.266.146
Tổng	211.273.874.363	290.595.749.309

5.15 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	176.642.288.208	12.639.504.489	4.185.230.658	185.096.562.039
Thuế giá trị gia tăng	127.297.815.585	11.341.471.123	2.638.294.263	136.000.992.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.294.010.252	-	903.252.230	33.390.758.022
Thuế thu nhập cá nhân	3.071.000.400	264.198.284	321.243.749	3.013.954.935
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.917.140.404	1.015.491.372	279.634.255	6.652.997.521
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	2.174.525	3.300.000	3.000.000	2.474.525
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.060.147.042	15.043.710	39.806.161	6.035.384.591
Phải thu	1.001.588.314	-	530.256.136	1.531.844.450
Thuế giá trị gia tăng	115.032.146	-	8.831.450	123.863.596
Thuế thu nhập cá nhân	17.894.963	-	-	17.894.963
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	149.426.273	-	521.424.686	670.850.959
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	147.065.363	-	-	147.065.363
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	572.169.569	-	-	572.169.569

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	64.772.165.138	64.141.340.254
Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh phải trả	47.769.831.291	47.950.990.719
Trích trước chi phí công trình	17.002.333.847	17.002.333.847
Chi phí phải trả khác	-	(811.984.312)
Tổng	64.772.165.138	64.141.340.254

5.17 Phải trả khác ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	157.669.247.138	129.715.442.940
Kinh phí công đoàn	4.308.055.914	4.096.182.610
Bảo hiểm xã hội	74.242.483.152	69.976.002.170
Bảo hiểm y tế	1.439.822.331	1.439.822.331
Bảo hiểm thất nghiệp	928.618.567	921.300.710
Cổ tức lợi nhuận phải trả	29.208.195.200	29.208.195.200
Phải trả, phải nộp khác	47.542.071.974	24.073.939.919
Dài hạn	3.975.450.086	3.974.578.373
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	3.975.450.086	3.974.578.373
Tổng	161.644.697.224	133.690.021.313



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	Trong năm			Đơn vị tính: VND	
	31/12/2022		01/01/2022		
a) Vay ngắn hạn	246.262.025.094	246.262.025.094	125.087.281.225	257.368.060.614	301.035.248.659
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm	14.864.164.617	14.864.164.617	-	14.864.164.617	14.864.164.617
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	74.284.190.097	74.284.190.097	99.939.359.808	76.112.741.967	76.112.741.967
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (3)	52.200.778.367	52.200.778.367	-	56.687.078.367	56.687.078.367
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (1)	-	-	-	2.905.349.384	2.905.349.384
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	21.858.854.203	21.858.854.203	-	21.858.854.203	21.858.854.203
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh (4)	21.200.000.000	21.200.000.000	-	37.200.000.000	37.200.000.000
Công ty Cổ phần QH PLUS (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Long (6)	10.379.169.580	10.379.169.580	-	10.379.169.580	10.379.169.580
Vay các đối tượng khác	30.004.916.676	30.004.916.676	25.147.921.417	13.886.428.467	13.886.428.467
Nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (7)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	6.004.322.475	49.699.217.141
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (8)	469.951.554	469.951.554	-	469.951.554	442.244.933
Tổng (a+c+d)	246.262.025.094	246.262.025.094	125.087.281.225	257.368.060.614	301.035.248.659

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn

(1): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/93409/HDTD ngày 08/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP cấp hạn mức tín dụng tối đa là 1.900.000.000.000 đồng trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn tối đa là 200 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh tối đa là 1.700 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2019. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này..

(2): Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 44/2021/HDTD/HTH/01 ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Bên được cấp tín dụng: Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 1 - CTCP. Hạn mức tín dụng: 900.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND và hạn mức bảo lãnh: 800.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng, thời hạn các khoản vay không quá 11 tháng, lãi suất quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Không có hiện pháp bảo đảm.

(3): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/93409/HDTD ngày 08/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP cấp hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng bao gồm dư nợ vay ngắn hạn của Công ty tại ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/93409/HDTD ngày 01/08/2017 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không vượt quá 31/08/2019. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này.

(4) Là các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 1 - CTCP với Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh. Bao gồm:

- Hợp đồng vay tiền số 292A/HĐKT/TCT-KT ngày 25 tháng 6 năm 2020. Số tiền: 11.000.000.000 VND. Thời gian từ 26/06/2020 đến ngày 31/12/2020, lãi suất 8,15%/năm. Điều kiện và phương thức cho vay quy định cụ thể tại điều 3 hợp đồng.

- Hợp đồng vay tiền số 381B/2020/HĐKT/TCT-KT ngày 10 tháng 08 năm 2020. Số tiền: 3.000.000.000 VND. Thời gian từ 11/08/2020 đến ngày 31/12/2020, lãi suất 8,15%/năm. Điều kiện và phương thức cho vay quy định cụ thể tại điều 3 hợp đồng.

- Hợp đồng vay tiền số 484A2020/HĐKT/TCT-KT ngày 08 tháng 10 năm 2020. Số tiền: 10.000.000.000 VND. Thời gian từ 09/10/2020 đến ngày 31/12/2020, lãi suất 8,15%/năm. Điều kiện và phương thức cho vay quy định cụ thể tại điều 3 hợp đồng.

- Hợp đồng vay tiền số 529/HĐKT/TCT-KT ngày 26/10/2020. Số tiền: 14.000.000.000 VND. Thời gian từ 26/10/2020 đến ngày 30/12/2020, lãi suất 8,15%/năm. Điều kiện và phương thức cho vay quy định cụ thể tại điều 3 hợp đồng. (Đã hoàn trả 2.000.000.000 VND trong năm)

- Hợp đồng vay tiền số 553/2020/HĐKT/TCT-KT. Số tiền: 1.700.000.000 VND. Thời gian từ 02/11/2020 đến ngày 31/12/2020, lãi suất 8,15%/năm. Điều kiện và phương thức cho vay quy định cụ thể tại điều 3 hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (5): Là các hợp đồng vay giữa bên A: Công ty Cổ phần QH PLUS với bên B: Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP. Bao gồm:
- Hợp đồng ứng vốn số 001/HDUV/QHP-CP ngày 15/12/2020. Số tiền 7.000.000.000 VND, thời gian 6 tháng với lãi suất 9%/năm. Mục đích ứng vốn: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Hợp đồng vay vốn số 241/HDVV/TCT-TCKT ngày 05/5/2021. Số tiền 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian: Tối đa 10 ngày kể từ khi bên B nhận được tiền vay, lãi suất: Không áp dụng. Nếu quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn mà bên B chưa trả nợ cho bên A thì bên A được quyền tính lãi theo lãi quá hạn mà ngân hàng đang áp dụng với các khoản nợ quá hạn và được quyền bù trừ vào toàn bộ tiền của các công trình mà bên A đang làm nhà thầu của bên B.
 - (6): Bản đính kèm phụ lục hợp đồng số 01 ngày 09/10/2020 của hợp đồng số 480/HĐKT/TCT-KH ngày 09/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Long và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP cho vay số tiền 10.379.169.580 đồng. Thời hạn vay tính từ ngày 09/10/2020 đến hết 28 ngày ngày kể từ ngày Cienco 1 được cấp chứng nhận hoàn thành công trình do kỹ sư tư vấn ký xác nhận rằng Cienco 1 đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ theo hợp đồng với chủ đầu tư. Lãi suất bằng với lãi suất vay vốn của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB Bank) áp dụng trong ngày 09/10/2020.

Nợ dài hạn đến hạn trả

- (7): Hợp đồng tín dụng số 12215/360/TDTH ngày 09/10/2015 giữa ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP số tiền hạn mức tối đa là 120.000.000.000 đồng nhằm mục đích tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh để thực hiện Gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung" thuộc dự án "Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, tỉnh Cà Mau" theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 175/2015/HĐTC ngày 03/08/2015 được ký giữa Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh với liên danh nhà thầu là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên kể từ ngày bên được cấp tín dụng bắt đầu nhận tiền vay. Lãi suất áp dụng định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng. Biện pháp đảm bảo là thế chấp QĐN phát sinh theo hợp đồng số 175/2015/HĐTC ký ngày 03/08/2015.
- (8): Hợp đồng tín dụng số 01/2018/93409/HĐTD ngày 15/06/2018 giữa Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP với số tiền cho vay là: 1.770.915.580 đồng nhằm mục đích đầu tư tài sản cố định gián tiếp là bộ xe đúc để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi trên cơ sở lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng của BIDV cộng (+) margin 3,5%, điều chỉnh 06 tháng một lần vào ngày đầu tiên của Quý I và Quý III. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CPSố 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	700.000.000.000	100.519.210	23.191.502.286	60.160.119.058	5.241.765.101	788.693.905.655
Tăng trong năm	-	-	-	16.642.446.035	(770.960.519)	15.871.485.516
Lãi trong năm trước	-	-	-	16.642.446.035	(770.960.519)	15.871.485.516
Số dư tại 31/12/2021	700.000.000.000	100.519.210	23.191.502.286	76.802.565.093	4.470.804.582	804.565.391.171
Số dư tại 01/01/2022	700.000.000.000	100.519.210	23.191.502.286	76.802.565.093	4.470.804.582	804.565.391.171
Tăng trong năm	-	-	-	23.981.501.989	(1.303.469.162)	22.678.032.827
Lãi trong năm nay	-	-	-	23.981.501.989	(1.303.469.162)	22.678.032.827
Số dư tại 31/12/2022	700.000.000.000	100.519.210	23.191.502.286	100.784.067.082	3.167.335.420	827.243.423.998

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần An Hiền	172.135.520.000	172.135.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	117.676.940.000	117.676.940.000
Công ty Cổ phần Thương mại nước giải khát Khánh An	134.477.000.000	134.477.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	200.035.340.000	200.035.340.000
Cổ đông khác	75.675.200.000	75.675.200.000
Tổng	700.000.000.000	700.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.194.916.050	9.129.184.634
Doanh thu hợp đồng xây dựng	415.594.691.115	622.168.133.811
Doanh thu khác	-	77.279.876.624
Tổng	420.789.607.165	708.577.195.069

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.184.524.576	2.650.898.036
Giá vốn hợp đồng xây dựng	417.630.329.912	619.264.628.436
Giá vốn khác	-	77.279.876.624
Tổng	418.814.854.488	699.195.403.096

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	43.132.900.041	45.604.238.213
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.039.846.700	17.039.846.700
Tổng	60.172.746.741	62.644.084.913

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	7.750.049.961	5.086.365.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	72.259.860
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	4.025.905.831
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.473.492	9.028.685
Tổng	7.751.523.453	9.193.559.660

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	29.179.293	-
Chi phí bằng tiền khác	29.179.293	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.366.545.207	57.816.932.433
Chi phí nhân viên quản lý	19.743.615.625	24.249.244.239
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.089.630	1.734.943.953
Chi phí khấu hao	2.611.964.793	2.669.695.124
Thuế, phí, lệ phí	709.251.672	1.106.309.037
Chi phí dự phòng	17.827.132.500	18.698.977.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.336.513.739	2.980.781.714
Chi phí khác bằng tiền	9.074.977.248	6.376.980.759
Tổng	52.395.724.500	57.816.932.433

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư thi công	344.444.444	1.180.828.286
Thu thanh lý tài sản cố định	-	163.636.364
Thu từ chậm tiến độ, bồi thường	155.096.558	159.136.364
Thu cho thuê máy thi công, nhà xưởng	-	824.410.732
Thu từ cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị	4.059.295.473	1.936.700.000
Thu nhập khác	1.634.179.481	581.332.080
Tổng	6.193.015.956	4.846.043.826
Chi phí khác		
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	9.765.315
Phạt hợp đồng	146.810.951	-
Các khoản phạt, lãi chậm nộp BHXH	4.265.639.405	3.419.895.740
Giá trị còn lại vật tư thi công	-	1.057.139.951
Chi phí khác	37.285	1.926.489.393
Tổng	4.412.487.641	6.413.290.399
Lợi nhuận khác	1.780.528.315	(1.567.246.573)

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương, thu nhập	2.762.000.000	2.755.000.000
Tổng		2.762.000.000	2.755.000.000
Trong đó:			
Lương và thù lao		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Ngọc Hòa		-	130.000.000
Đình Ngọc Đán		84.000.000	93.000.000
Đình Ngọc Vượng		480.000.000	510.000.000
Cao Văn Mạnh		84.000.000	93.000.000
Cần Hồng Lai		-	72.000.000
Cao Danh Lợi		36.000.000	36.000.000
Trần Văn Trái		84.000.000	52.000.000
Ban Kiểm soát			
Võ Thành Công		-	63.000.000
Đặng Mạnh Thuyên		-	63.000.000
Lê Xuân Hậu		60.000.000	93.000.000
Vũ Ngọc Quang		240.000.000	270.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Nguyễn Trường Long		140.000.000	218.000.000
Đào Việt Tiến		-	342.000.000
Đình Ngọc Đán		390.000.000	360.000.000
Nguyễn Duy Thắng		60.000.000	360.000.000
Hoàng Việt Bình		84.000.000	-
Khuất Quang Huy		60.000.000	-
Nguyễn Xuân Tường		360.000.000	-
Hoàng Hữu Sơn		270.000.000	-
Lê Lệnh Bắc		180.000.000	-
Nhữ Đình Văn		150.000.000	-
Tổng cộng		2.762.000.000	2.755.000.000

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623 La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Nội dung	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
Phải thu khác			48.221.939.901	48.287.531.416
Công ty Cổ phần BOT Cầu Bạch Đằng	Công ty đầu tư khác	Phải thu khác	30.282.089.603	30.347.681.118
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	Công ty đầu tư khác	Phải thu khác	17.939.850.298	17.939.850.298

7.2 Các khoản nợ tiềm tàng

Theo Công văn số 1019/CV-CSKT-P9 ngày 07/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Bộ Công an, về việc đề nghị Tổng Công ty nộp số tiền 65.363.507.530 VND đã thu hồi được từ các khoản nợ được xác định là nợ khó đòi của 06 Công ty vào tài khoản tạm giữ của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu - Bộ Công an. Tổng Công ty đã gửi Công văn số 179/CV-TCT ngày 22/4/2022 giải trình về số tiền đã thu hồi và đang thực hiện đối chiếu về giá trị thu được từ các khoản nợ khó đòi, giá trị cuối cùng được thực hiện theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, tại thời điểm Báo cáo, Tổng Công ty có một số khoản nợ lãi phải trả nhà cung cấp theo các Quyết định của Tòa án nhân dân các cấp, Công ty đang tiến hành đàm phán với nhà cung cấp để giải quyết các khoản công nợ chưa thanh toán.

7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Công ty là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc phúc thẩm vụ án hình sự đối với một số đối tượng là cựu lãnh đạo Tổng Công ty theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12214/2023/QĐXXPT-HS ngày 17/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Kể từ ngày 27/6/2023, Bà Lỗ Thị Huyền My được bổ nhiệm là Kế toán trưởng của Tổng Công ty, theo Quyết định số 67/QĐ-HĐQT-TCT ngày 27/6/2023 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sẽ được ký bởi Bà Lỗ Thị Huyền My - chức danh Kế toán trưởng.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài các sự kiện trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Đỗ Thị Phương

Kế toán trưởng

Lỗ Thị Huyền My

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Đàn